

Bản án số: 66/2018/HN-ST

Ngày: 17-10-2018

*“V/v tranh chấp hôn nhân  
và gia đình về ly hôn”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thúy Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Nam
2. Ông Nguyễn Văn Hiền

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 222/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 về: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225A/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Bảo T, sinh năm 1968; Địa chỉ cư trú: số 134 khu phố 4, thị trấn M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Bà Phan Thị U, sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú cuối cùng: số 134 khu phố 4, thị trấn M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ông T có mặt, bà U vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông Lê Bảo T trình bày:*

1. Về hôn nhân: Ông và bà Phan Thị U do quen biết tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn M cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 25/5/1998. Thời gian sống chung có hạnh phúc nhưng đến khoảng cuối năm 2004, bà U đã bỏ địa phương đi đâu không rõ tung tích. Mặc dù đã cố gắng tìm kiếm nhưng không có kết quả. Vào ngày 10/4/2018, theo yêu cầu của ông, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã ban hành Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2018/QĐVDS-ST, tuyên bố bà Phan Thị U mất tích từ ngày 10/4/2018. Nay ông xin ly hôn với bà Phan Thị U.

2. Về con chung: Lê Tuấn K sinh năm 1998 đã trưởng thành, không cấp dưỡng.
3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có.
4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.  
- Bị đơn là bà Phan Thị U không có lời trình bày.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

#### ***[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của ông Lê Bảo T, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn*”; Trong đó xác định ông Lê Bảo T là nguyên đơn, bà Phan Thị U là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Phan Thị U không có mặt tại nơi cư trú cuối cùng là số nhà 134 khu phố 4, thị trấn M, huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Quá trình thụ lý vụ án đã thực hiện xác minh và thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định, đủ căn cứ xác định bà Phan Thị U không có mặt tại nơi cư trú nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Phan Thị U là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

#### ***[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:***

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Bảo T, thấy rằng:

Hôn nhân của ông Lê Bảo T và bà Phan Thị U hội đủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên có hiệu lực pháp luật.

Tuy nhiên, trong quá trình hôn nhân, bà Phan Thị U đã bỏ đi không rõ đi đâu, không biết tin tức, vắng mặt tại địa phương 01 thời gian dài. Theo yêu cầu của ông Lê Bảo T, sau khi thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Nam đã ban hành Quyết định việc dân sự số 01/2018/QĐVDS – ST, ngày 10/4/2018 tuyên bố bà Phan Thị U mất tích kể từ ngày 10/4/2018, Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật.

Nay ông Lê Bảo T xin ly hôn, xét thấy là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về con chung: Lê Tuấn K, sinh năm 1998 đã trưởng thành, không cấp dưỡng, không xem xét.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Ông Lê Bảo T trình bày không có, không yêu cầu, bà Phan Thị U vắng mặt không có lời trình bày nên không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Ông Lê Bảo T trình bày không có, bà Phan Thị U vắng mặt không có lời trình bày nên không xem xét.

Các bên không còn yêu cầu nào khác nên không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự đối với yêu cầu xin ly hôn, ông Lê Bảo T chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 68 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Bảo T.

Cụ thể tuyên:

1. Ông Lê Bảo T được ly hôn với bà Phan Thị U.

2. Về con chung: Lê Tuấn K, sinh năm 1998 đã trưởng thành, không cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Ông Lê Bảo T không yêu cầu, bà Phan Thị U vắng mặt không có lời trình bày nên không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Ông Lê Bảo T trình bày không có, bà Phan Thị U vắng mặt không có lời trình bày nên không xem xét.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch (đối với yêu cầu ly hôn): 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) ông Lê Bảo T phải chịu nhưng được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018820 ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS h. Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lru (Hs, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Đỗ Thúy Hằng**